

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Thành Nghiêm	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Bảo	Thành viên
Ông Thái Trường Giang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Công Tuấn	Trưởng ban
Ông Trần Ngọc Công	Thành viên
Bà Trương Thùy Dương	Thành viên

Ban Giám Đốc

Ông Nguyễn Thế Bảo	Giám đốc
Ông Vũ Đình Thung	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Việt	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và đến ngày lập Báo cáo này là Bà Trương Thị Bích Thảo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn UHY - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ (hiệu lực từ ngày 01/08/2017) và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thế Bảo
Giám đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Số: 24/2018/UHYHCM - BCKTĐL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2018, trình bày từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 33.1 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm 2017, Công ty tính và thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt với mức từ 300 đồng/m³ đến 500 đồng/m³ nước tiêu thụ, tương đương khoảng 4,7% giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ vào Quyết định số 62/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh (Quyết định này căn cứ vào Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/03/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải). Tuy nhiên, theo Nghị định 154/2016/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và thay thế Nghị định số 25/2013/NĐ-CP: Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Do điều kiện khách quan, cơ sở hạ tầng địa phương chưa đảm bảo để tăng mức thu phí bảo vệ môi trường, nên thời gian bắt đầu áp dụng mức phí thay đổi do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh quyết định.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 1.7 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Tây Ninh từ ngày 10/03/2016. Theo đó, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 10/03/2016 ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh. Các số liệu so sánh này được trình bày nhằm mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không hoàn toàn so sánh được do không có sự đồng nhất về kỳ kế toán.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và doanh nghiệp Kiểm toán khác với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Vấn đề nhấn mạnh và vấn đề khác không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



Phan Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2018-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY - CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số: 1828-2018-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

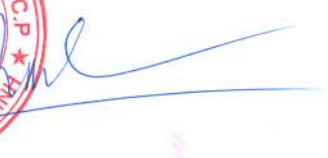
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.965.155.386	12.082.509.040
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	7.560.862.233	5.406.490.898
Tiền	111		1.060.862.233	406.490.898
Các khoản tương đương tiền	112		6.500.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.772.918.087	3.549.225.071
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	4.171.925.208	3.335.196.718
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		687.067.842	44.924.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	141.028.239	278.195.395
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(227.103.202)	(109.091.042)
Hàng tồn kho	140	8	4.352.000.103	2.204.560.074
Hàng tồn kho	141		4.355.157.598	2.204.560.074
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.157.495)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		279.374.963	922.232.997
Thuế GTGT được khấu trừ	152	14	17.116.812	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14	262.258.151	922.232.997
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.019.510.532	156.294.844.344
Tài sản cố định	220		142.255.104.240	149.641.514.227
Tài sản cố định hữu hình	221	9	141.943.682.831	149.224.992.690
- Nguyên giá	222		357.263.201.971	347.955.239.452
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(215.319.519.140)	(198.730.246.762)
Tài sản cố định vô hình	227	10	311.421.409	416.521.537
- Nguyên giá	228		953.454.564	953.454.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(642.033.155)	(536.933.027)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.104.259.020	346.956.410
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.104.259.020	346.956.410
Tài sản dài hạn khác	260		7.660.147.272	6.306.373.707
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	7.660.147.272	6.306.373.707
TỔNG TÀI SẢN	270		169.984.665.918	168.377.353.384

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		61.311.364.071	62.440.968.922
Nợ ngắn hạn	310		16.015.814.263	11.070.896.976
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	5.592.860.346	1.228.034.434
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		238.759.116	200.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	348.218.542	366.373.618
Phải trả người lao động	314		2.634.921.362	2.476.854.348
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	967.576.653	191.413.404
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	65.348.661	744.530.034
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	6.074.522.138	6.074.522.138
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		93.607.445	(11.031.000)
Nợ dài hạn	330		45.295.549.808	51.370.071.946
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	45.295.549.808	51.370.071.946
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		108.673.301.847	105.936.384.462
Vốn chủ sở hữu	410	18	108.673.301.847	105.936.384.462
Vốn góp của chủ sở hữu	411		105.768.270.000	105.768.270.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.768.270.000	105.768.270.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.905.031.847	168.114.462
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.905.031.847	168.114.462
TỔNG NGUỒN VỐN	440		169.984.665.918	168.377.353.384




Nguyễn Thế Bảo
Giám Đốc
Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2018


Trương Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng


Trương Thị Bích Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		56.366.928.989	41.794.693.377
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		533.637	207.273
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	56.366.395.352	41.794.486.104
Giá vốn hàng bán	11	20	26.964.432.322	21.346.554.674
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.401.963.030	20.447.931.430
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	479.563.243	247.481.282
Chi phí tài chính	22	22	3.356.374.134	3.012.341.043
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.356.374.134	3.012.341.043
Chi phí bán hàng	25	23	14.461.487.711	10.833.623.395
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	8.490.573.343	6.756.653.936
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.573.091.085	92.794.338
Thu nhập khác	31	24	4.316.744	82.629.876
Chi phí khác	32	25	8.385.383	7.309.752
Lợi nhuận khác	40		(4.068.639)	75.320.124
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.569.022.446	168.114.462
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	663.990.599	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.905.031.847	168.114.462
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	275	16
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	275	16



Nguyễn Thế Bảo
Giám Đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng

Trương Thị Bích Thảo
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 10/03/2016
			VND	đến 31/12/2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		3.569.022.446	168.114.462
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		16.694.372.506	13.213.310.997
Các khoản dự phòng	03		121.169.655	109.091.042
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(428.660.362)	(247.481.282)
Chi phí lãi vay	06		3.356.374.134	3.012.341.043
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.312.278.379	16.255.376.262
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(698.847.142)	647.259.349
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.150.597.524)	121.558.202
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.876.529.728	(2.410.155.788)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.353.773.565)	(533.717.377)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.056.615.619)	(3.012.341.043)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.189.862.112	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.085.223.667)	(607.284.223)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		20.033.612.702	10.460.695.382
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.065.265.129)	(3.528.029.058)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(9.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	9.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		428.660.362	247.481.282
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(11.636.604.767)	(3.280.547.776)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Từ 10/03/2016
			VND	đến 31/12/2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.074.522.138)	(6.074.522.138)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(168.114.462)	(3.049.157.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.242.636.600)	(9.123.679.138)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.154.371.335	(1.943.531.532)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	5.406.490.898	7.350.022.430
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	7.560.862.233	5.406.490.898



Nguyễn Thế Bảo
Giám Đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng

Trương Thị Bích Thảo
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Tây Ninh, hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900243762 đăng ký lần đầu ngày 27/06/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp. Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Tây Ninh chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 2 ngày 10/03/2016, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 16/03/2016 về việc bổ sung thêm người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 3 của Công ty là 105.768.270.000 đồng, chia thành 10.576.827 cổ phần với mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAY NINH WATER SUPPLY AND RAINAGE JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: TAYNINH WASSCO.

Trụ sở chính của công ty được đặt tại số 489, đường 30/4, Phường 1, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt; xây dựng các công trình dân dụng, cấp thoát nước.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Sản xuất, kinh doanh nước tinh khiết;
- Lập dự án đầu tư, quản lý dự án đầu tư, thiết kế, giám sát và xây dựng các công trình cấp thoát nước trong và ngoài tỉnh;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, nhựa, chuyên ngành cấp thoát nước;
- Xây dựng: Các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi;
- Quản lý thoát nước và vệ sinh môi trường.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt đô thị và các nhu cầu khác. Theo đó, chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên trong năm.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sạch. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần từ Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước Tây Ninh từ ngày 10/03/2016. Theo đó, số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 10/03/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty Cổ Phần Cấp Thoát Nước Tây Ninh. Các số liệu so sánh này được trình bày nhằm mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không hoàn toàn so sánh được do không có sự đồng nhất về kỳ kế toán.

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) của Bộ Tài chính và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt giai đoạn tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý.

Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

4.4 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10
Phần mềm máy vi tính	05

Tài sản vô hình của Công ty là phần mềm quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 5 năm, Quyền khảo sát địa hình địa chất mẫu nước (ADB) và các tài sản khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được xác định theo Phương án cổ phần hóa tại ngày 10/03/2016.

4.7 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Chi phí trả trước bao gồm phí lập báo cáo giám sát môi trường và các khoản chi phí trả trước khác. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ 06 tháng đến 24 tháng.

4.9 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Chi phí phải trả của công ty bao gồm trích trước chi phí lãi vay, phí dịch vụ môi trường rừng, chi phí súc rửa đường ống, chi phí lắp đặt và thay đồng hồ nước, được hạch toán căn cứ vào Kế hoạch sản xuất năm 2017 và thông qua Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 ngày 29/06/2017.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

4.10 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh theo số vốn thực tế chủ sở hữu đã góp, không ghi nhận theo số cam kết, số phải thu của các chủ sở hữu.

Trường hợp nhận vốn góp bằng tài sản thì phản ánh tăng Vốn đầu tư của chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu riêng như sau: Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần: Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Còn thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.12 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.13 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.*Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty chủ yếu gồm: Sản xuất và kinh doanh nước sạch; Xây lắp hệ thống đường ống nước.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám Đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	97.703.206	113.139.800
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	963.159.027	293.351.098
Các khoản tương đương tiền (*)	6.500.000.000	5.000.000.000
Cộng	7.560.862.233	5.406.490.898

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 3 tháng tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh và Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh lãi suất theo từng lần gửi tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.171.925.208	(227.103.202)	3.335.196.718	(109.091.042)
Phải thu tiền nước của các đối tượng khách hàng	4.171.925.208	(227.103.202)	3.335.196.718	(109.091.042)
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	4.171.925.208	(227.103.202)	3.335.196.718	(109.091.042)

7. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	141.028.239	-	278.195.395	-
- Tạm ứng	-	-	195.000.000	-
- Phải thu dự án hệ thống thu gom và xử lý nước	78.753.269	-	79.393.392	-
- Phải thu khác	52.309.027	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	-	-	3.802.003	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	141.028.239	-	278.195.395	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.347.756.869	(3.157.495)	2.196.855.258	-
Công cụ, dụng cụ	7.400.729	-	7.704.816	-
Cộng	4.355.157.598	(3.157.495)	2.204.560.074	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH

Số 489, Đường 30/4, P.1, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
*Tại 01/01/2017	130.891.584.681	24.768.806.159	191.747.000.248	547.848.364	347.955.239.452
- Mua trong năm	-	125.340.000	-	-	125.340.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	799.590.990	-	8.581.740.101	-	9.381.331.091
- Giảm do phân loại lại	-	(198.708.572)	-	-	(198.708.572)
Tại 31/12/2017	131.691.175.671	24.695.437.587	200.328.740.349	547.848.364	357.263.201.971
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2017	76.616.814.147	12.856.246.026	109.045.291.651	211.894.938	198.730.246.762
- Tăng do phân loại lại	260.249.288	20.808.363	-	-	281.057.651
- Giảm do phân loại lại	-	(118.276.788)	(281.057.651)	-	(399.334.439)
- Khấu hao trong năm	7.012.086.397	2.070.377.933	7.557.769.021	67.315.815	16.707.549.166
Tại 31/12/2017	83.889.149.832	14.829.155.534	116.322.003.021	279.210.753	215.319.519.140
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2017	54.274.770.534	11.912.560.133	82.701.708.597	335.953.426	149.224.992.690
Tại 31/12/2017	47.802.025.839	9.866.282.053	84.006.737.328	268.637.611	141.943.682.831

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 2.801.507.874 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính	Quyền khảo sát địa hình địa chất mẫu nước (ADB)	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2017	395.195.906	558.258.658	953.454.564
Tại 31/12/2017	395.195.906	558.258.658	953.454.564
GIÁ TRỊ HAO MÓN			
Tại 01/01/2017	196.073.864	340.859.163	536.933.027
- Khấu hao trong kỳ	4.359.480	100.740.648	105.100.128
Tại 31/12/2017	200.433.344	441.599.811	642.033.155
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2017	199.122.042	217.399.495	416.521.537
Tại 31/12/2017	194.762.562	116.658.847	311.421.409

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn	7.660.147.272	6.306.373.707
- Chi phí lắp đặt và thay đồng hồ đo nước	7.380.088.132	5.348.195.536
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	19.437.890	450.607.951
- Công cụ, dụng cụ đã phân bổ hết đã được đánh giá lại 20% khi cổ phần hóa	8.142.413	69.792.140
- Giá trị lợi thế thương mại khi XDGTĐN tại ngày 31/12/2014	27.300.000	234.000.000
- Các khoản khác	225.178.837	203.778.080
Cộng	7.660.147.272	6.306.373.707

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2017 Giá gốc VND	Tại 01/01/2017 Giá gốc VND
Các công trình đặt tuyến ống nước tại địa bàn tỉnh Tây Ninh	3.104.259.020	346.956.410
Cộng	3.104.259.020	346.956.410

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH

Số 489, đường 30/4, P.1, TP.Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	5.592.860.346	5.592.860.346	1.228.034.434	1.228.034.434
- Cty TNHH MTV Khai Thác Thủy Lợi Dầu Tiếng - Phước Hòa	303.000.000	303.000.000	-	-
- Cty TNHH Nhựa Đạt Hòa	-	-	407.046.200	407.046.200
- Cty CP HAWACO Miền Nam	532.444.000	532.444.000	527.340.000	527.340.000
- Cty CP Nhựa Thiều Niên Tiền Phong Phía Nam	3.286.697.279	3.286.697.279	142.048.720	142.048.720
- Cty CP Nhựa Đồng Nai	690.175.200	690.175.200	-	-
- Các khoản phải trả khác	780.543.867	780.543.867	151.599.514	151.599.514
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-
Cộng	5.592.860.346	5.592.860.346	1.228.034.434	1.228.034.434

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
a. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	-	17.116.812	17.116.812
- Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-	-	17.116.812	17.116.812
b. Thuế và các khoản phải thu	922.232.997	663.990.599	4.015.753	262.258.151
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	922.232.997	663.990.599	-	258.242.398
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-	4.015.753	4.015.753
Cộng	922.232.997	663.990.599	21.132.565	279.374.963
c. Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	46.329.714	662.713.445	709.043.159	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.912.754	37.514.852	39.427.606	-
- Thuế tài nguyên	116.150.400	1.300.658.400	1.303.208.000	113.600.800
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	30.586.000	30.586.000	-
- Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	201.980.750	2.534.492.684	2.501.855.692	234.617.742
Cộng	366.373.618	4.572.965.381	4.591.120.457	348.218.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	967.576.653	191.413.404
- Trích trước chi phí nhân công công trình	324.384.898	80.645.044
- Trích trước phí dịch vụ môi trường rừng	314.793.240	-
- Trích trước chi phí lãi vay	299.758.515	-
- Các khoản trích trước khác	28.640.000	110.768.360
b) Dài hạn	-	-
Cộng	967.576.653	191.413.404

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	65.348.661	744.530.034
- Kinh phí công đoàn	-	-
- Bảo hiểm xã hội	7.765.701	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.338.335
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	57.582.960	743.191.699
+ Phải trả NLĐ 10% phí bảo vệ môi trường giữ lại	17.865.770	17.076.930
+ Phải trả UNND Hòa Thành tiền hỗ trợ các công trình đường ống cho khu dân cư	39.291.376	18.000.000
+ Trích trước phí dịch vụ môi trường rừng	-	314.793.240
+ Trích trước chi phí lãi vay	-	345.184.038
+ Các khoản trích trước khác	-	44.509.091
+ Các khoản phải trả khác	425.814	3.628.400
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	65.348.661	744.530.034

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	Tại 31/12/2017		Trong kỳ		Tại 01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	6.074.522.138	6.074.522.138	6.074.522.138	6.074.522.138	6.074.522.138	6.074.522.138
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh (*)	1.320.250.922	1.320.250.922	1.320.250.922	1.320.250.922	1.320.250.922	1.320.250.922
- Hiệp định vay phụ ngày 26/07/2002 với Bộ tài chính (**)	4.754.271.216	4.754.271.216	4.754.271.216	4.754.271.216	4.754.271.216	4.754.271.216
Vay dài hạn	45.295.549.808	45.295.549.808	-	6.074.522.138	51.370.071.946	51.370.071.946
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh (*)	7.261.380.072	7.261.380.072	-	1.320.250.922	8.581.630.994	8.581.630.994
- Hiệp định vay phụ ngày 26/07/2002 với Bộ tài chính (**)	38.034.169.736	38.034.169.736	-	4.754.271.216	42.788.440.952	42.788.440.952
Cộng	51.370.071.946	51.370.071.946	6.074.522.138	12.149.044.276	57.444.594.084	57.444.594.084

(*) Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01-2003/TDNN ngày 30/05/2013, với Chi nhánh Quỹ hỗ trợ Phát triển Tây Ninh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh) với tổng giá trị khoản vay là 1.206.000 USD thời hạn vay là 192 tháng và 72 tháng ân hạn với lãi suất là 0,5%/ tháng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy nước, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(**) Hiệp định vay phụ ngày 26/07/2002 với Bộ Tài Chính (BTC cho vay lại vốn vay của ADB) tổng giá trị khoản vay là 4.652.000 USD thời hạn vay là 192 tháng và 72 tháng ân hạn với lãi suất là 0,5%/ tháng. Mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy nước, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Tại 10/03/2016	105.768.270.000	6.867.822.034	112.636.092.034
- Lợi nhuận trong năm	-	168.114.462	168.114.462
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.478.397.723)	(1.478.397.723)
- Nộp ngân sách Nhà nước (*)	-	(5.389.424.311)	(5.389.424.311)
Tại 31/12/2016	105.768.270.000	168.114.462	105.936.384.462
Tại 01/01/2017	105.768.270.000	168.114.462	105.936.384.462
- Lợi nhuận trong năm	-	2.905.031.847	2.905.031.847
- Chi trả cổ tức (**)	-	(168.114.462)	(168.114.462)
Tại 31/12/2017	105.768.270.000	2.905.031.847	108.673.301.847

(*) Căn cứ Quyết Định số 1776/QĐ-UBND ngày 04/07/2016 về phê duyệt báo cáo tài chính và trích lập các quỹ năm 2015 và từ ngày 01/01/2016 đến ngày 09/03/2016, Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là: 1.478.397.723 đồng, số còn lại chuyển nộp về ngân sách Nhà nước với số tiền là 5.389.424.311 đồng.

(*) Công ty chia cổ tức căn cứ Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2017 số 09/NQ-UBND ngày 29/06/2017.

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2017		Tại 01/01/2017	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Tây Ninh	52,0%	55.000.000.000	52,0%	55.000.000.000
Công ty Cổ Phần Hải Đăng	35,0%	37.030.000.000	35,0%	37.030.000.000
Các cổ đông khác	13,0%	13.738.270.000	13,0%	13.738.270.000
Cộng	100%	105.768.270.000	100%	105.768.270.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	105.768.270.000	105.768.270.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	105.768.270.000	105.768.270.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	168.114.462	3.049.157.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2017	Tại 01/01/2017
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.576.827	10.576.827
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.576.827	10.576.827
+ Cổ phiếu phổ thông	10.576.827	10.576.827
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.576.827	10.576.827
+ Cổ phiếu phổ thông	10.576.827	10.576.827
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
a) Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.366.395.352	41.794.486.104
- Doanh thu nước máy	55.130.068.285	40.770.937.167
- Doanh thu dịch vụ công trình	1.236.327.067	1.023.548.937
Cộng	56.366.395.352	41.794.486.104
b) Doanh thu với các bên liên quan	-	-

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Giá vốn nước máy	26.146.387.055	20.758.292.704
Giá vốn dịch vụ công trình	818.045.267	588.261.970
Cộng	26.964.432.322	21.346.554.674

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu lãi tiền gửi	428.660.362	247.481.282
Lãi chiết khấu thanh toán	50.902.881	-
Cộng	479.563.243	247.481.282

21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	3.356.374.134	3.012.341.043
Cộng	3.356.374.134	3.012.341.043

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	8.490.573.343	6.756.653.936
- Chi phí nhân viên quản lý	5.549.599.823	4.141.170.124
- Chi phí vật liệu quản lý	404.865.805	180.720.642
- Chi phí đồ dùng văn phòng	102.376.658	83.624.900
- Chi phí khấu hao TSCĐ	876.682.780	880.902.258
- Thuế, phí và lệ phí	71.092.804	351.528.314
- Chi phí dự phòng	121.169.655	109.091.042
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	288.872.337	389.301.962
- Chi phí bằng tiền khác	1.075.913.481	620.314.694
b. Các khoản chi phí bán hàng	14.461.487.711	10.833.623.395
- Chi phí nhân viên	3.808.439.670	3.004.917.559
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.613.574.060	3.411.009.138
- Chi phí khấu hao TSCĐ	6.815.898.225	3.554.399.364
- Thuế, phí và lệ phí	380.263.884	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	799.546	-
- Chi phí bằng tiền khác	842.512.326	863.297.334
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Thu hồi tiền án phí theo Quyết định 1043/QĐ CCTHA-Trảng Bàng	-	22.650.000
Thu nhập khác	4.316.744	59.979.876
Cộng	4.316.744	82.629.876

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi nộp phạt hành chính	7.501.973	1.434.880
Các khoản chi phí khác	883.410	5.874.872
Cộng	8.385.383	7.309.752

26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.569.022.446	168.114.462
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	7.501.973	255.091.042
- Thù lao Hội đồng Quản trị	-	146.000.000
- Chi phí không được trừ	7.501.973	109.091.042
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	3.576.524.419	423.205.504
Các khoản lỗ được kết chuyển	(256.571.424)	(423.205.504)
Tổng thu nhập tính thuế	3.319.952.995	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	663.990.599	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.896.667.061	7.418.132.132
Chi phí công cụ dụng cụ	2.719.750.718	-
Chi phí nhân công	15.349.132.886	12.001.703.420
Khấu hao tài sản cố định	16.694.372.508	13.213.310.997
Thuế, phí và lệ phí	451.356.688	351.528.314
Chi phí dự phòng	121.169.655	109.091.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	922.332.449	585.669.580
Chi phí bằng tiền khác	3.761.711.411	2.726.593.074
Cộng	49.916.493.376	36.406.028.559

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.905.031.847	168.114.462
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	10.576.827	10.576.827
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	275	16

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2017 chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm.

29. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.905.031.847	168.114.462
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	10.576.827	10.576.827
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành trong kỳ (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	275	16

Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2017 chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích của quỹ này trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất và cung cấp nước máy, xây lắp và các hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh. Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Báo cáo chính yếu.

Công ty hoạt động trong trong một môi trường kinh tế, không có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt đáng kể nên không trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2017	Sản xuất kinh doanh nước máy sinh hoạt	Xây dựng đường ống nước	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	55.130.068.285	1.236.327.067	56.366.395.352
Chi phí bộ phận	(26.146.387.055)	(818.045.267)	(26.964.432.322)
Kết quả kinh doanh bộ phận	28.983.681.230	418.281.800	29.401.963.030
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(22.952.061.054)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	6.449.901.976
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	479.563.243
Chi phí tài chính	-	-	(3.356.374.134)
Thu nhập khác	-	-	4.316.744
Chi phí khác	-	-	(8.385.383)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	(663.990.599)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.905.031.847
Tổng tài sản			169.984.665.918
Tổng nợ phải trả			61.311.364.071

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ ngày 10/03/2016 đến ngày 31/12/2016

	Sản xuất kinh doanh nước máy sinh hoạt	Xây dựng đường ống nước	Cộng
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	40.770.937.167	1.023.548.937	41.794.486.104
Chi phí bộ phận	20.758.292.704	588.261.970	(21.346.554.674)
Kết quả kinh doanh bộ phận	61.529.229.871	1.611.810.907	20.447.931.430
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	(17.590.277.331)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	2.857.654.099
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	247.481.282
Chi phí tài chính	-	-	(3.012.341.043)
Thu nhập khác	-	-	82.629.876
Chi phí khác	-	-	(7.309.752)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	168.114.462
Tổng tài sản			168.377.353.384
Tổng nợ phải trả			11.070.896.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc chủ sở hữu Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

CÁC LOẠI CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.560.862.233	5.406.490.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.085.850.245	3.309.301.071
Cộng	11.646.712.478	8.715.791.969
	Tại 31/12/2017 VND	Tại 01/01/2017 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ *	51.370.071.946	57.444.594.084
Phải trả người bán và phải trả khác	5.592.860.346	1.972.564.468
Chi phí phải trả	967.576.653	191.413.404
Cộng	57.930.508.945	59.608.571.956

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong kỳ, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2017.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty có thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa và dịch vụ do thực hiện việc mua hàng hóa và dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan về thị trường nhằm quản lý thời điểm, đồng thời tổ chức đấu thầu cho các hợp đồng mua hàng có giá trị lớn với các nhà thầu, nhà cung cấp trên cơ sở đơn giá cố định hoặc giá trọn gói cố định.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2017				
Vay và nợ	6.074.522.138	45.295.549.808	-	51.370.071.946
Phải trả người bán và phải trả khác	5.592.860.346	-	-	5.592.860.346
Chi phí phải trả	967.576.653	-	-	967.576.653
Cộng	12.634.959.137	45.295.549.808	-	57.930.508.945
Tại 01/01/2017				
Vay và nợ	6.074.522.138	51.370.071.946	-	57.444.594.084
Phải trả người bán và phải trả khác	1.972.564.468	-	-	1.972.564.468
Chi phí phải trả	191.413.404	-	-	191.413.404
Cộng	8.238.500.010	51.370.071.946	-	59.608.571.956

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.560.862.233	-	-	7.560.862.233
Phải thu khách hàng và phải thu khác	4.085.850.245	-	-	4.085.850.245
Cộng	11.646.712.478	-	-	11.646.712.478
Tại 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.406.490.898	-	-	5.406.490.898
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.309.301.071	-	-	3.309.301.071
Cộng	8.715.791.969	-	-	8.715.791.969

32. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

<u>Thu nhập của Ban Giám đốc, HĐQT, BKS</u>	Năm 2017	Từ 10/03/2016 đến 31/12/2016
	VND	VND
Lương và phụ cấp của Ban Giám Đốc, HĐQT, BKS	1.414.800.000	832.000.000

33. THÔNG TIN KHÁC

33.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2017, Công ty tính và thu hộ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt với mức từ 300 đồng/m³ đến 500 đồng/m³ nước tiêu thụ, tương đương khoảng 4,7% giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, căn cứ vào Quyết định số 62/2013/QĐ-UBND ngày 20/12/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh (Quyết định này căn cứ vào Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29/03/2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải). Tuy nhiên, theo Nghị định 154/2016/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và thay thế Nghị định số 25/2013/NĐ-CP: Mức phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt là 10% trên giá bán của 1m³ nước sạch chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Do điều kiện khách quan, cơ sở hạ tầng địa phương chưa đảm bảo để tăng mức thu phí bảo vệ môi trường, nên thời gian bắt đầu áp dụng mức phí thay đổi do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh quyết định.

Ngoài ra, không có khoản nợ tiềm tàng nào khác phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

33.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

33.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán.



Nguyễn Thế Bảo
Giám Đốc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Trương Thị Bích Thảo
Kế toán trưởng

Trương Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của
TGD SGDC TP HCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDC TP HCM)



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 56/CBTT/2018

Tây Ninh, ngày 23 tháng 3 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDC TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC TÂY NINH**
 - Mã chứng khoán: **WTN**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 489, đường 30/4, KP1, P1, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
 - Điện thoại: 0276.3822240
 - Fax: 0276.3822243
 - Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Thành Thư**
Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Công bố thông tin: **Báo cáo tài chính năm 2017** – Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh – Báo cáo đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty/quỹ vào ngày 23/3/2018 tại đường dẫn: <http://www.capthoatnuoctayninh.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm
Tài liệu liên quan đến việc CBTT

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

Nguyễn Thành Thư